

Ia Pa, ngày 01 tháng 9 năm 2022

## BÁO CÁO

### **Tình hình sử dụng kinh phí 10% trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất để chi cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2021**

Thực hiện Kế hoạch số 176/KH-BKTNS ngày 23 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc giám sát “Việc sử dụng kinh phí 10% trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất để chi cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2021”. UBND huyện báo cáo như sau:

#### **1. Khái quát chung**

Hằng năm, căn cứ Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách của UBND tỉnh Gia Lai, UBND huyện xây dựng dự toán thu chi ngân sách tổng thể, trong đó có xây dựng kinh phí triển khai thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên trên địa bàn huyện, đáp ứng nhu cầu quản lý đất đai thực tế theo quy định.

#### **2. Kết quả thực hiện**

- Tổng thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất trên địa bàn huyện hưởng theo phân cấp giai đoạn 2017-2021: 11.929,39 triệu đồng.

- Tổng kinh phí 10% trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2021: 683,41 triệu đồng, Trong đó:

+ 10% trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất trên địa bàn để tại ngân sách huyện là: 399,91 triệu đồng.

+ 10% trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất năm 2021 trên địa bàn huyện đã nộp về ngân sách cấp tỉnh theo Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh là: 283,5 triệu đồng.

- Tổng chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2021 là: 4.743,24 triệu đồng.

Trong đó:

+ Chi từ nguồn trích từ 10% nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất 330,88 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn cân đối chi thường xuyên ngân sách huyện hằng năm: 3.872,11 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn NST cấp bổ sung để thực hiện đo đạc (năm 2019): 540,25 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết kèm theo các Phụ lục số: 01, 02, 03, 04 gửi kèm)

- Tổng diện tích cần đo đạc 29.000ha. Diện tích đã đo đạc 21.000ha. Diện tích còn lại phải đo đạc (Tính đến ngày 31/12/2021) là 8.000ha. Nhu cầu kinh phí để đo đạc đổi với diện tích còn lại dự kiến là 9.600 triệu đồng.

- Đánh giá hiệu quả của việc trích, sử dụng kinh phí 10% trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất trên địa bàn hằng năm: Hằng năm số thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất huyện hưởng theo phân cấp trên địa bàn huyện không đáng kể, trong khi đó nhu cầu chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên trên địa bàn huyện lớn. Theo đó, UBND huyện đã tổ chức phân bổ kinh phí từ nguồn cân đối chi thường xuyên hằng năm để thực hiện công tác đo đạc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để công tác quản lý nhà nước về đất đai được chặt chẽ, hiệu quả đúng theo quy định.

- Hằng năm, UBND huyện có thực hiện quyết toán số thu và số trích 10% nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất với Sở Tài chính theo quy định.

- Năm 2021, thực hiện trích nộp 10% từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất về ngân sách cấp tỉnh để chi cho dự án đo đạc của tỉnh theo Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh là phù hợp.

### **3. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

Kinh phí 10% trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất trên địa bàn huyện hằng năm thấp mà phải thực hiện chi theo quy trình đầu tư nên dẫn đến việc bố trí và thực hiện nhiệm vụ gặp khó khăn.

### **4. Đề xuất, kiến nghị:**

- Để công tác quản lý nhà nước về đất đai được chặt chẽ, hiệu quả đúng theo quy định, UBND huyện đề xuất UBND tỉnh các nội dung sau:

+ Đề nghị hỗ trợ kinh phí cho huyện tổ chức đo đạc, do nhu cầu kinh phí đo đạc lớn ngoài khả năng cân đối của ngân sách huyện.

+ Đề nghị cho chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi với các diện tích đã đưa ra khỏi quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23 tháng 08 năm 2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai.

+ Đề nghị Sở TN- MT phối hợp Sở NN &PTNT tham mưu UBND tỉnh thu hồi hết diện tích đất rừng của Ban quản lý rừng Ayun Pa (đã giải thể theo Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh Gia Lai) về cho huyện Ia Pa để thực hiện đo đạc, quản lý theo quy định.

- Nhằm khắc phục kiến nghị của kiểm toán đổi với nội dung hoàn ứng kinh phí đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tại huyện Ia Pa, đề nghị UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí đã tạm ứng cho huyện năm 2015 tại Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 của UBND tỉnh Gia Lai để huyện tổ chức hoàn ứng, số tiền: 3.653,3278 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo tình hình sử dụng kinh phí 10% trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất để chi cho công tác quản lý đất đai giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn huyện Ia Pa. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Ban kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh tổng hợp, giám sát ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Noi nhận:**

- Ban kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Ban kinh tế HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Phòng TCKH huyện;
- Lưu VT.

  
**Huỳnh Văn Trường**

## ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA

**BẢNG TỔNG HỢP CHI CHO CÔNG TÁC ĐO ĐẠC, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU  
ĐẤT ĐAI VÀ ĐĂNG KÝ BIÊN ĐỘNG, CHỈNH LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH THƯỜNG XUYÊN TRÍCH TỐI THIỂU 10% TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT  
GIAI ĐOAN 2017-2020**

(Kèm theo Báo cáo số 320 /BC-UBND ngày 01/9/2022 của UBND huyện Ia Pa)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kế hoạch thu tiền sử dụng đất</b>					
1	Kế hoạch thu tiền sử dụng đất HĐND tỉnh giao	600.00	600.00	1,000.00	1,200.00	
2	Kế hoạch thu tiền sử dụng đất HĐND huyện giao	600.00	600.00	1,000.00	1,940.00	
3	Kế hoạch chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí liên quan khác của HĐND huyện giao theo quy định					
4	Kế hoạch trích tối thiểu 10% thu tiền sử dụng đất để chi cho công tác đo đạc, quản lý đất đai ( <b>I.2- I.3) x 10%</b>	12.00	12.00	14.00	98.00	
<b>II</b>	<b>Số thực hiện từ nguồn thu tiền sử dụng đất</b>					
1	Chuyển nguồn kinh phí trích tối thiểu từ 10% nguồn thu tiền sử dụng đất của các năm trước chuyển sang (nếu có)		216.09	262.83	51.40	
2	Số thu tiền sử dụng đất NSDP hưởng theo phân cấp	2,411.14	1,465.54	1,698.34	881.66	
	Trong đó: 80% Thu tiền sử dụng đất trên địa bàn xã hưởng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM theo Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017	250.27	998.10	1,358.68	705.33	
3	Số đã chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí liên quan khác theo quy định	-				
4	Số trích tối thiểu 10% từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo NSDP hưởng theo phân cấp ( <b>II.2- II.3) x 10%</b>	216.09	46.74	33.97	17.63	
<b>III</b>	<b>Số đã chi từ nguồn trích tối thiểu 10% nguồn thu tiền sử dụng đất chi cho công tác đo đạc, quản lý đất đai</b>			<b>245.40</b>		
-	KP đo đạc, trích đo thừa đất, lập hồ sơ phục vụ công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án Đường nội thị huyện Ia Pa (Trần Hưng Đạo)			104.97		MDA: 7787104

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
-	KP đo đạc, trích đo thừa đất, lập hồ sơ phục vụ công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án chỉnh trang đô thị huyện Ia Pa (Trường Chinh- Lê Lợi- Võ Thị Sáu)			107.33		MDA: 7787105
-	KP đo đạc, trích đo thừa đất, lập hồ sơ phục vụ công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án chỉnh trang đô thị huyện Ia Pa (Trường Chinh- Lê Lợi- Võ Thị Sáu)			33.10		MDA: 7787105
<b>IV</b>	<b>Số kinh phí còn lại (II.1 + II.4 - III), gồm</b>	<b>216.09</b>	<b>262.83</b>	<b>51.40</b>	<b>69.04</b>	
	<i>Chuyển nguồn sang năm sau theo Quyết định của Cấp thẩm quyền</i>					
	<i>Kết dư ngân sách</i>	<i>216.09</i>	<i>262.83</i>	<i>51.40</i>	<i>69.04</i>	

## ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA

**BẢNG TỔNG HỢP CHI CHO CÔNG TÁC ĐO ĐẠC, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI  
VÀ ĐĂNG KÝ BIÉN ĐỘNG, CHỈNH LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH THƯỜNG XUYÊN TRÍCH TỐI THIỂU 10% TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 320 /BC-UBND ngày 01/9/2022 của UBND huyện Ia Pa)

DVT: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2021	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kế hoạch thu tiền sử dụng đất</b>		
1	Kế hoạch thu tiền sử dụng đất HDND tinh giao	2,000.00	
2	Kế hoạch thu tiền sử dụng đất HDND huyện giao	2,000.00	
3	Kế hoạch chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí liên quan khác của HDND huyện giao theo quy định		
4	Kế hoạch trích tối thiểu 10% thu tiền sử dụng đất để chi cho công tác đo đạc, quản lý đất dai ( <b>I.2- I.3</b> ) x 10%	168.00	
<b>II</b>	<b>Số thực hiện từ nguồn thu tiền sử dụng đất</b>		
1	Chuyển nguồn kinh phí trích tối thiểu từ 10% nguồn thu tiền sử dụng đất của các năm trước chuyển sang (nếu có)	69.04	
2	Số thu tiền sử dụng đất NSDP hưởng theo phân cấp	4,617.87	
	Trong đó: 80% Thu tiền sử dụng đất trên địa bàn xã hưởng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM theo Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017	1,784.69	
3	Số đã chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí liên quan khác theo quy định		
4	Số phải trích nộp tối thiểu 10% từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo NSDP hưởng theo phân cấp ( <b>II.2- II.3</b> ) x 10%	283.32	
5	Số đã nộp về ngân sách cấp tỉnh để chi cho dự án do đặc của tỉnh theo Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tinh	283.50	
6	Số còn phải trích nộp về ngân sách cấp tỉnh ( <b>II.4 - II.5</b> )	(0.18)	
7	Số đã chi cho dự án do đặc từ nguồn ngân sách huyện, gồm:		
	Nguồn trích tối thiểu từ 10% nguồn thu tiền sử dụng đất của các năm trước chuyển sang (nếu có)		
	Nguồn ngân sách cấp huyện bổ trí thêm (nếu có)		
8	Số kinh phí còn lại tại ngân sách huyện	68.85	
	Chuyển nguồn sang năm sau theo Quyết định của Cấp thẩm quyền		
	Kết dư ngân sách	68.85	

## ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA

**BẢNG TỔNG HỢP CHI CHO CÔNG TÁC ĐO ĐẠC, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI VÀ ĐĂNG KÝ BIÊN ĐỘNG, CHỈNH LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH THƯỜNG XUYÊN TRÍCH TỐI THIỂU 10% TỪ NGUỒN THU TIỀN THUÊ ĐẤT GIAI ĐOẠN 2017-2021**

(Kèm theo Báo cáo số 320 /BC-UBND ngày 01/9/2022 của UBND huyện Ia Pa)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	DVT: triệu đồng
<b>I</b>	<b>Kế hoạch thu tiền thuê đất</b>						
1	Kế hoạch thu tiền thuê đất HĐND tỉnh giao	110.00	100.00	160.00	200.00	200.00	770.00
2	Kế hoạch thu tiền thuê đất HĐND huyện giao	110.00	100.00	160.00	200.00	200.00	770.00
3	Kế hoạch trích tối thiểu 10% thu tiền thuê đất để chi cho công tác đo đạc, quản lý đất đai (theo kế hoạch của HĐND huyện giao)	11.00	10.00	16.00	20.00	20.00	77.00
<b>II</b>	<b>Số thực hiện từ nguồn thu tiền thuê đất</b>						
1	Số thu tiền thuê đất NSDP hưởng theo phân cấp	45.12	174.90	195.94	292.27	146.60	854.83
2	Số trích tối thiểu 10% từ nguồn thu tiền thuê đất theo NSDP hưởng theo phân cấp (II.1 x 10%)	4.51	17.49	19.59	29.23	14.66	85.48
<b>III</b>	<b>Số đã chi từ nguồn trích tối thiểu 10% tiền thuê đất chi cho công tác đo đạc, quản lý đất đai</b>	<b>4.51</b>	<b>17.49</b>	<b>19.59</b>	<b>29.23</b>	<b>14.66</b>	<b>85.48</b>
<b>IV</b>	<b>Số kinh phí còn lại (II.2 - III)</b>	-	-	-	-	-	

**THÔNG KÊ KINH PHÍ ĐO ĐẶC, CẤP GCNQSD ĐẤT TỪ 2017-2021 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA PA**

(Kèm theo Báo cáo số 320 /BC-UBND ngày 01/9/2022 của UBND huyện Ia Pa)

ĐVT: đồng

Thứ tự	Năm thực hiện	Quyết định kinh phí của huyện	Nguồn vốn	Nội dung	Lưới địa chính			Đo đặc bản đồ (ha)			Cấp giấy CN			Kinh phí nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng (sau thuế)	Kinh phí thanh quyết toán (sau thuế)	Ghi chú
					TKKT	Khối lượng thực hiện	Thành tiền (trước thuế)	TKKT	Khối lượng thực hiện	Thành tiền (trước thuế)	TKKT	Khối lượng thực hiện	Thành tiền (trước thuế)			
A				B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = (3+6+9)*110%	11	12
1	2017	33/QĐ-UBND ngày 29/6/2017	Căn dối chi thường xuyên NSH năm 2017 (có bao gồm 10% nguồn thu tiền thuê đất)	Do đặc đeo Blôm thuộc 02 xã Kim Tân và Ia Mron	4.00	4.00	14,337,317	166.00	166.00	167,303,764	-	-	-	199,805,189	199,800,000	
2	2018	88/QĐ-UBND ngày 11/12/2017	Nguồn NST	Pờ Tó (327 ha)	12.00	12.00	57,022,989	380.00	380.00	434,119,600	350	-	-	540,256,848	540,256,800	
3	2019	720/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 và 151/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 và 69/QĐ-UBND ngày 10/9/2019	Căn dối chi thường xuyên NSH năm 2019 (có bao gồm 10% nguồn thu tiền thuê đất) và nguồn Kết dư năm 2018	Đo đặc, lập bản đồ địa chính, xây dựng hồ sơ địa chính; cấp giấy CNQSD đất (lần đầu) và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Chư Răng, Pờ Tó, huyện Ia Pa.	46.00	46.00	18,238,546	1,010	1,010	1,015,735,010	550	-	-	1,137,370,912	1,137,370,000	
		380/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	10% nguồn thu TSĐĐ	Đo đặc, trích do thừa đất, lập hồ sơ phục vụ công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án: Chính trang đô thị huyện Ia Pa (Đường Trường Chinh - Lê Lợi - Võ Thị Sáu)	4	4	23,643,080	32 thừa	32 thừa	104,019,086				140,428,383	140,428,000	

Thứ tự	Năm thực hiện	Quyết định kinh phí của huyện	Nguồn vốn	Nội dung	Lưới địa chính			Đo đạc bản đồ (ha)			Cấp giấy CN			Kinh phí nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng (sau thuế)	Kinh phí thanh quyết toán (sau thuế)	Ghi chú
					TKKT	Khối lượng thực hiện	Thành tiền (trước thuế)	TKKT	Khối lượng thực hiện	Thành tiền (trước thuế)	TKKT	Khối lượng thực hiện	Thành tiền (trước thuế)			
		380/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	10% nguồn thu TSDD	Đo đạc, trích do thừa đất, lập hồ sơ phục vụ công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án: Đường nội thị huyện Ia Pa (Đường Trần Hưng Đạo)	2	2	5,510,812	43 thừa	43 thừa	89,914,719				104,968,084	104,968,000	
4	2020	151/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 và 32/QĐ-UBND ngày 21/02/2020		Đo đạc chinh lý bản đồ địa chính, đăng ký thống kê, cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường khu dân cư thôn (làng) Bi Giông, xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.	100	100.00	2,063,430	20	20	69,824,840	300	-	-	79,077,097	79,077,000	
		485/QĐ-UBND ngày 23/12/2019	Cân đối chi thường xuyên NSH năm 2020 (có bao gồm 10% nguồn thu tiền thuế đất)	Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký thống kê, cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn xã Chư Mô, huyện Ia Pa	3	3.00	16,417,206	188	188	304,773,380	200	200	0	353,309,645	353,309,000	
		485/QĐ-UBND ngày 23/12/2019	Cân đối chi thường xuyên NSH năm 2020	Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký thống kê, cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn xã Ia Tul, huyện Ia Pa	4.00	4.00	22,414,096	267.00	267.00	443,445,081	400	400		512,445,095	512,445,000	
		485/QĐ-UBND ngày 23/12/2019	Cân đối chi thường xuyên NSH năm 2020	Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký thống kê, cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn xã Kim Tân, huyện Ia Pa	0.00	0.00	0	42.00	42.00	68,087,670	50	-	-	74,896,437	74,896,000	

Thứ tự	Năm thực hiện	Quyết định kinh phí của huyện	Nguồn vốn	Nội dung	Lưới địa chính			Đo đạc bản đồ (ha)			Cấp giấy CN			Kinh phí nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng (sau thuế)	Kinh phí thanh quyết toán (sau thuế)	Ghi chú
					TKKT	Khối lượng thực hiện	Thành tiền (trước thuế)	TKKT	Khối lượng thực hiện	Thành tiền (trước thuế)	TKKT	Khối lượng thực hiện	Thành tiền (trước thuế)			
		485/QĐ-UBND ngày 23/12/2019	Cân đối chi thường xuyên NSH năm 2020	Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký thống kê, cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn xã Ia Kdăm, huyện Ia Pa	3.00	3.00	16,417,206	221	221	358,270,835	350	350		412,156,845	412,156,000	
					4.00	4.00	21,889,608	373.00	373.00	604,683,355.00	73	0		689,230,259	689,230,000	
5	2021	469/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	Cân đối chi thường xuyên NSH năm 2021(có bao gồm 10% nguồn thu tiền thuế đất)	Đo đạc, chỉnh lý biến động lập bản đồ địa chính khu vực quy đổi 5% của các xã Pờ Tó, Chu Răng, Kim Tân, xã Ia Mron, Ia Trôk, quản lý trên địa bàn huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	-	0.00	-	280.00	280.00	453,917,800.00				499,309,580	499,309,000	
		Tổng cộng			182.00	182.00	197,954,290	2,947	2,947	4,114,095,140	2,273	950	0	4,743,254,373	4,743,244,800	